

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Kết luận số 2861 -KL/TU ngày 08/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương ban hành Quy định khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4361/TTr-STC ngày 01/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Đối tượng thực hiện khoản kinh phí sử dụng xe ô tô:

a) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương cấp tỉnh.

c) Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

đ) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao thực hiện nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị; danh mục nhiệm vụ đặc thù được quy định cụ thể tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

e) Trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngoài các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ nêu trên được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để đi công tác.

2. Công đoạn khoán kinh phí sử dụng xe ô tô: Đi công tác.

3. Hình thức và mức khoán kinh phí:

a) Hình thức khoán theo km thực tế: Số km thực tế của từng lần đi công tác nhân với đơn giá khoán.

b) Hình thức khoán gộp đối với đi công tác: Số km bình quân đi công tác hàng tháng nhân với đơn giá khoán, áp dụng trong trường hợp đi công tác thường xuyên trong tháng (tổng số ngày đi công tác chiếm trên 50% tổng số ngày làm việc trong tháng theo quy định của Bộ Luật Lao động).

4. Đơn giá khoán: Phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường.

5. Nguồn kinh phí khoán được sử dụng trong định mức phân bổ ngân sách cho đơn vị. Kinh phí khoán đi công tác được thanh toán cùng với việc thanh toán công tác phí.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này. Trước ngày mùng 5 tháng đầu của mỗi quý, Sở Tài chính thông báo giá vận chuyển của các hãng xe taxi (loại xe từ 04 đến 16 chỗ ngồi) trên địa bàn tỉnh để các cơ quan, tổ chức, đơn vị có cơ sở thực hiện.

2. Giao các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nội dung quy định tại Điều 1 để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024 và thay thế Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa. Các quy định khác trước đây của UBND tỉnh có nội dung trái với quy định tại Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Thanh Hóa;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT tỉnh Thanh Hóa;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC. (thht)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi